

Số : 53 /2015/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 11 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thay thế Phụ lục IV - Bảng giá động vật rừng ban hành
kèm theo Quyết định số 47/2014/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2014
của Ủy ban nhân dân Thành phố**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 157/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản;

Căn cứ Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ;

Căn cứ Nghị định số 40/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 157/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2750/TTr-SNN ngày 09 tháng 11 năm 2015; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 5899/STP-VB ngày 02 tháng 11 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bảng giá động vật rừng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Bảng giá này thay thế bảng giá động vật rừng trong Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định số 47/2014/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Các nội dung khác tại Quyết định số 47/2014/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố không thay đổi.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Công an Thành phố, Cục trưởng Cục Thuế, Cục trưởng Cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Thành phố;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND.TP;
- TTUB: CT, các PCT;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam TP;
- Các Đoàn thể Thành phố;
- VPUB: các PVP;
- Các Phòng CV; TTCB;
- Lưu: VT, (CNN-Tg) MH 60

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thanh Liêm



**BẢNG GIÁ ĐỘNG VẬT RỪNG
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 53 /2015/QĐ-UBND
ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	Tên loài	Tên khoa học	Đơn vị tính	Mức giá (1.000 đồng)	Ghi chú
I	BỘ KHỈ HẦU				
1	Khỉ đuôi dài	<i>Macaca fascicularis</i>	con	600	
2	Khỉ sư tử	<i>Macaca Silenus</i>	con	600	
3	Khỉ đuôi lợn	<i>Macaca leonina</i> (<i>M.nemestrina</i>)	con	400	
4	Khỉ vàng	<i>Macaca mulatta</i>	con	300	
5	Khỉ mặt đỏ	<i>Macaca arctoides</i>	con	600	
6	Khỉ mốc	<i>Macaca assamensis</i>	con	600	
II	BỘ THÚ ĂN THỊT				
7	Cầy giông	<i>Viverra zibetha</i>	Kg	300	
8	Cầy vằn	<i>Hemigalus Owstoni</i>	Kg	300	
9	Chồn vàng	<i>Martes Flavigula</i>	Kg	350	
10	Cầy vôi mốc	<i>Paguma Larvata</i>	Kg	300	
11	Cầy vôi hương	<i>Paradoxurus hermaphroditus</i>	Kg	400	
12	Chồn hương	<i>Viverricula indica</i>	Kg	450	
13	Triết các loại	<i>Mustela</i>	con	200	
III	BỘ MŨNG GUỐC				
14	Cheo Cheo	<i>Tragulus javanicus</i>	Kg	200	
15	Heo rừng	<i>Sus scrofa</i>	Kg	100	
16	Mễn	<i>Muntiacus muntjak</i> <i>ananmensis</i>	Kg	120	
17	Nai	<i>Cervus unicolor</i>	Kg	100	
IV	BỘ CÁ SÁU				
18	Cá sấu Hoa cà	<i>Crocodylus porosus</i>	Kg	150	
19	Cá sấu nước ngọt (xiêm)	<i>Crocodylus siamensis</i>	Kg	150	
V	BỘ HẠC				
20	Diệc các loại	<i>Ardeidae</i>	con	30	
VI	BỘ GÀ				
21	Công Ấn độ	<i>Pavo Cristatatus</i>	con	1.500	
22	Công việt	<i>Pavo muticus</i>	con	250	
23	Gà rừng	<i>Gallus gallus</i>	con	100	
24	Trĩ các loại	<i>Rheinardia ocellata</i>	con	280	
25	Trích (gà nước)	<i>Porphyrio porphyrio</i>	con	100	
VII	BỘ SÀ				
26	Bìm bịp	<i>Centropus sinensis</i>	con	100	
27	Cao cát	<i>Anthracoceros albirostris</i>	con	150	
28	Chim Cắt	<i>Falconidae</i>	con	40	
29	Chim đa đa	<i>Francolinus pintadeanus</i>	con	40	
30	Phướn	<i>Carpococcyx renauldi</i>	con	50	
31	Diều đầu trắng	<i>Elanus caeruleus</i>	con	150	
32	Diều hâu	<i>Milvus migrans</i>	con	180	
33	Diều hoa	<i>Spilornis cheela</i>	con	180	
34	Đại bàng các loại	<i>Hieraaetus fasciatus</i>	con	900	
35	Le Le	<i>Dendrocygna javanica</i>	con	100	
36	Ó biển	<i>Morus bassanus</i>	con	180	
37	Vịt trời	<i>Anas poecilorhyncha</i>	con	50	
38	Quạ	<i>Corvus macrorhynchos</i>	con	60	

VIII	BỘ CÓ VÂY				
39	Các Ké (rắn môi)	<i>Dasia olivacea</i>	con	10	
40	Kỳ đà các loại	<i>Varanidae</i>	Kg	200	
41	Giông	<i>Leiolepis belliana</i> Gray	Kg	100	
42	Rắn Ráo trâu (Hổ Trâu, Hổ Hèo)	<i>Ptyas mucosus</i>	Kg	400	
43	Rắn Hổ Ngựa (Sọc Dưa)	<i>Elaphe radiata</i>	Kg	300	
44	Rắn lục	<i>Viperidae</i>	Kg	100	
45	Rắn Hổ Hành	<i>Xenopeltis unicolor</i>	Kg	200	
46	Rắn Lái (ráo thường)	<i>Ptyas korros</i>	Kg	180	
47	Rắn trun	<i>Coronella austriaca</i>	Kg	150	
48	Rắn Choàm quạp	<i>Calloselasma Rhodostoma</i>	Kg	120	
49	Rắn nước, ri voi, ri cá	<i>Colubridae</i>	Kg	80	
50	Rắn cạp nia	<i>Bungarus candidus</i>	Kg	250	
51	Rắn cạp nong (Mai gấm)	<i>Bungarus fasciatus</i>	Kg	250	
52	Rắn Hổ Mang (Rắn hổ đất)	<i>Naja naja</i>	Kg	400	
53	Tắc Kè	<i>Gekko gekko</i>	con	25	
54	Trăn các loại	<i>Python</i>	Kg	200	
55	Thằn lằn núi	<i>Cyrtodactylus badenensis</i>	Kg	50	
56	Kỳ Tôm (rồng đất)	<i>Physignathus cocincinus</i>	Kg	200	
57	Kỳ nhông	<i>Iguana</i>	Kg	50	
IX	BỘ CÓ ĐUÔI				
58	Cá cóc Tam đảo	<i>Paramesotriton deloustali</i>	Kg	100	
X	BỘ RÙA				
59	Cua đĩnh	<i>Amyda cartilaginea</i>	Kg	350	
60	Rùa Bagờ	<i>Malayemys subtrijuga</i>	Kg	300	
61	Rùa Cỏ bự	<i>Seibenrockiella crassicollis</i>	Kg	140	
62	Rùa Răng (càng Đước)	<i>Hieremys annandalii</i>	Kg	250	
63	Rùa đất các loại	<i>Geoemyda spengleri</i>	Kg	300	
64	Rùa núi viền	<i>Manouria impressa</i>	Kg	250	
65	Rùa núi vàng	<i>Indotestudo elongata</i>	Kg	340	
66	Rùa Xanh (Rùa tai đỏ)	<i>Trachemys scripta elegans</i>	Kg	50	
XI	BỘ SẾ		Kg		
67	Chích chòe các loại	<i>Copsychus saularis</i>	con	100	
68	Chèo bẻo các loại	<i>dicrrus macrocencus</i>	con	50	
69	Họa Mĩ	<i>Garrulax canorus</i>	con	120	
70	Chia vôi	<i>Motacilla alba</i>	con	150	
71	Sáo các loại	<i>Acridotheres critatellus</i>	con	50	
72	Chim sẻ	<i>passer montanus</i>	con	5	
73	Chim cu đất	<i>Streptopelia chinensis</i>	con	30	
74	Yểng (Nhông)	<i>Gracula religiosa</i>	con	100	
75	Vành khuyên	<i>Zosterops palpebrosus</i>	con	60	
76	Chào mào	<i>Pycnonotus jocosus</i>	con	100	
77	Chim bồ chao	<i>Garrulax leucolophus</i>	con	100	
78	Thanh tước	<i>Chloropsis hardwickii</i>	con	100	
XII	BỘ VỆT				
79	Vẹt các loại	<i>Family Psittacidae</i>	con	30	
XIII	BỘ CÚ				
80	Cú lợn các loại	<i>Phodilus badius saturatus</i>	con	150	
81	Cú Mèo các loại	<i>Family Strigidae</i>	con	150	
82	Dù di	<i>Ketupa zeylonensis orientalis</i>	con	100	

XIV	BỘ DƠI				
83	Dơi ngựa	<i>Rousettus leschenaulti</i>	con	50	
84	Dơi quạ	<i>Megaderma lyra</i>	con	50	
XV	BỘ YẾN				
85	Yến Hàng	<i>Collocalia fuciphaga germaini</i>	con	60	
86	Yến Phụng (Yến núi)	<i>Collocalia brevirostris innominata</i>	con	20	
XVI	BỘ GẠM NHÂM				
87	Don	<i>Atherurus macrourus</i>	Kg	250	
88	Dúi	<i>Rhizomys pruinosus</i>	Kg	200	
89	Nhím	<i>Hystrix brachyura</i>	Kg	180	
90	Sóc bay các loại	<i>Petaurista petaurista</i>	con	120	
91	Hải ly	<i>Castor Canadensis</i>	con	1.000	
92	Sóc	<i>Callosciurus erythraeus</i>	con	120	
XVII	BỘ CÁNH VÂY				
93	Bướm các loại	<i>Family papilionidae</i>	con	5	
94	Đuông chà là	<i>Phocnix paludosa</i>	con	30	
XVIII	BỘ CÁNH CỨNG				
95	Bò cũi các loại	<i>Elateri dae (Acteni cerus)</i>	con	1	
XIX	BỘ HÌNH NHỆN				
96	Bò Cạp	<i>Buthus sp</i>	con	6	
97	Rết	<i>Scolopendr sp</i>	con	15	
XX	BỘ SẾU				
98	Sếu xám	<i>Balearica regulorum</i>	con	60	
99	Chim rẽ mỏ thìa	<i>Spoon billed sandpiper</i>	con	1.100	
XXI	LOẠI KHÁC				
100	Sâu Keo	<i>Spodoptera mouitia</i>	Kg	300	
101	Địa sâm	<i>Physcolosoma sp</i>	Kg	30	

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ